

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **188/2024/DS-ST**

Ngày: 27 - 8 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Hiếu.

Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 402/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà H. Địa chỉ: Khóm A1, phường B1, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà N. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2024, biên bản hòa giải ngày 07/8/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H trình bày:* Ngày 17/5/2022, bà N vay của bà H 15.000.000 đồng, tổng cộng trước sau là 25.000.000 đồng; ngày 20/9/2022, bà N vay của bà H thêm 60.000.000 đồng; ngày 20/11/2022, bà N vay của bà H thêm 15.000.000 đồng. Tổng cộng, bà N vay của bà H 100.000.000 đồng. Từ đó đến nay bà H đã liên hệ với bà N nhiều lần nhưng bà N không chịu trả cho bà H số tiền trên.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2024, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà H số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh từ ngày 20/11/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án theo mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Việc bà N vay tiền của bà H nhưng không trả vốn và lãi đã xảy ra quá lâu, bà N vi phạm cam kết nhiều lần nên hiện nay bà H không đồng ý cho bà N trả dần số tiền còn nợ. Về tiền lãi, từ ngày 20/11/2022 cho đến phiên hòa giải ngày 07/8/2024 là khoảng hơn 20 tháng, tiền lãi phát sinh trên 100.000.000 đồng tiền vốn tính theo mức lãi suất 10%/năm là khoảng hơn 17.000.000 đồng, nhưng tính cho đến ngày xét xử sơ thẩm thì bà H chỉ yêu cầu bà N trả khoản tiền lãi là 15.000.000 đồng, khoản tiền lãi chênh lệch bà H đồng ý bỏ cho bà N.

Theo biên bản hòa giải ngày 07/8/2024, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà H số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng cùng khoản tiền lãi là 15.000.000 đồng; đối với khoản tiền lãi chênh lệch (nhiều hơn) phát sinh từ ngày 20/11/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm thì bà H đồng ý bỏ cho bà N.

Do không có thời gian đi đến Tòa án tham gia tố tụng nên bà H xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà N trình bày: Việc bà N có vay của bà H tổng số tiền 100.000.000 đồng nhưng đến nay vẫn chưa trả cho bà H theo như đơn khởi kiện của bà H là có. Các biên nhận do bà H cung cấp chứng minh cho việc vay tiền thì bà N đều thừa nhận. Hiện nay, bà N cũng đồng ý trả cho bà H 100.000.000 đồng tiền vốn cùng tiền lãi phát sinh, nhưng do bà N đang gặp nhiều khó khăn về kinh tế nên xin được trả dần số tiền còn nợ và xin bà H bớt tiền lãi cho bà N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H vắng mặt nhưng theo lời khai trước thời điểm diễn ra phiên tòa sơ thẩm thì bà H vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đã được thay đổi tại phiên hòa giải ngày 07/8/2024; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, giải quyết buộc bà N trả cho bà H số tiền vay mượn còn nợ là 115.000.000 đồng, bao gồm số tiền vốn 100.000.000 đồng và số tiền lãi 15.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà H số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh từ ngày 20/11/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà N là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện Kế Sách; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà H số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh từ ngày 20/11/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án theo mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 07/8/2024, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà H số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng cùng khoản tiền lãi là 15.000.000 đồng; đối với khoản tiền lãi chênh lệch (nhiều hơn) phát sinh từ ngày 20/11/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm thì bà H đồng ý bỏ cho bà N. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của bà H là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H vắng mặt nhưng có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[5] Về tiền vốn: Quá trình giải quyết vụ án, bà H và bà N thống nhất thừa nhận bà H có cho bà N vay tổng số tiền vốn là 100.000.000 đồng, bao gồm 25.000.000 đồng vào ngày 17/5/2022, 60.000.000 đồng vào ngày 20/9/2022 và 15.000.000 đồng vào ngày 20/11/2022; hiện nay bà N còn nợ bà H số tiền này và bà N cũng đồng ý trả cho bà H toàn bộ số tiền này, chỉ xin được trả dần. Sự thừa nhận này của bà H và bà N là tình tiết, sự kiện mà các bên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định việc bà N có vay số tiền vốn 100.000.000 đồng của bà H là sự thật, cho đến nay bà N chưa trả số tiền vốn vay này cho bà H là vi phạm thỏa thuận về vay tài sản đã được xác lập giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà H số tiền vốn vay này là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tiền lãi: Việc bà H yêu cầu bà N trả cho bà H tiền lãi phát sinh trên số tiền vốn vay 100.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; bà N cũng đồng ý trả cho bà H tiền lãi phát sinh, chỉ xin được bớt tiền lãi và xin được trả dần. Do các bên có thỏa thuận về việc trả lãi đối với số tiền vốn vay nhưng không xác định rõ lãi suất, nên mức lãi suất tính trên số tiền vốn vay được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tức là 10%/năm. Tiền lãi thực tế phát sinh trên số tiền vốn vay 100.000.000 đồng từ ngày 20/11/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 27/8/2024 là 100.000.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 09 tháng 07 ngày = 17.694.444 đồng. Như vậy, việc bà H chỉ yêu cầu bà N trả cho bà H khoản tiền lãi 15.000.000 đồng ít hơn so với khoản tiền lãi thực tế phát sinh 17.694.444 đồng là sự tự nguyện quyết định và tự định đoạt của bà H, có lợi cho bà N và cũng phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về việc bà H không đồng ý cho bà N được trả dần số tiền vay còn nợ cũng như việc bà N xin được trả dần số tiền vay còn nợ thì Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, vì việc trả số tiền vay còn nợ theo phương thức nào (một lần, nhiều lần hay hàng tháng, hàng quý ...) là thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án; sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và chuyển sang giai đoạn thi hành án, các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau về phương thức trả số tiền vay còn nợ tại cơ quan thi hành án.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay còn nợ là 115.000.000 đồng, bao gồm số tiền vốn 100.000.000 đồng và số tiền lãi 15.000.000 đồng.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bà H không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; bà N phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với số tiền là 115.000.000 đồng x 5% = 5.750.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bà N trả số tiền vay còn nợ.

Buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay còn nợ là 115.000.000 đồng (*Một trăm mười lăm triệu đồng*), bao gồm số tiền vốn 100.000.000 đồng và số tiền lãi 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà H đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà H không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà H đã nộp là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm*

trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006134, ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà N phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 5.750.000 đồng (*Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Bà N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Riêng đối với bà H không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt